

Số: 5353/BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

V/v xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch PTKTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch PTKTXH năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 4456/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024.

Để chuẩn bị xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 của cả nước, Lãnh đạo Bộ yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ thực hiện:

1. Đôn đốc và tổng hợp báo cáo

a) Các đơn vị phụ trách bộ, cơ quan trung ương và Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ

- Trước ngày 08/7/2023, đôn đốc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và qua địa chỉ thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn.

- Trước ngày 10/7/2023, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong Bộ triển khai làm việc với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về Báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (nếu cần thiết); báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách cho ý kiến về sự cần thiết, nội dung, thành phần, người chủ trì cuộc họp,... trước khi triển khai (cuộc họp có thể do Lãnh đạo Bộ chủ trì nếu cần thiết).

b) Các đơn vị phụ trách ngành, lĩnh vực, chương trình

Trước ngày 08/7/2023, chủ trì, phối hợp với các đơn vị phụ trách bộ, cơ quan trung ương chuẩn bị các Báo cáo theo ngành, lĩnh vực, chương trình, gửi Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân bằng văn bản và qua địa chỉ thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn.

c) Các đơn vị được phân công tại các Phụ lục kèm theo

Trước ngày 15/7/2023, các đơn vị chuẩn bị nội dung được phân công và gửi về Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân bằng văn bản và qua hòm thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn.

d) Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân: tổng hợp chung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH

năm 2024 của cả nước, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định để trình Phó Thủ tướng Lê Minh Khái trước ngày 27 tháng 7 năm 2023.

2. Yêu cầu tổng hợp và báo cáo

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức đơn vị thực hiện:

- Kịp thời đôn đốc các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo theo quy định;

- Tổng hợp có chọn lọc, súc tích, cô đọng, ngắn gọn, khái quát cao các nội dung quan trọng theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân công theo dõi. Có quan điểm phân tích, phản biện của đơn vị đối với những nội dung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024 của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

- Chủ động tổ chức nghiên cứu, phân tích, trao đổi, đánh giá sâu về tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 của ngành, lĩnh vực, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân công phụ trách, phân tích nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; bám sát thực tiễn, đánh giá tình hình, bối cảnh cuối năm 2023 và năm 2024, từ đó đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu phù hợp trên tinh thần có trọng tâm, trọng điểm, chỉ ra được những vấn đề lớn, quan trọng cần thực hiện trong kế hoạch năm 2024; phấn đấu cao nhất để đạt được mục tiêu đề ra tại Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 được Quốc hội thông qua.

Năm 2024 là năm bứt phá để phấn đấu hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo sẽ tiếp tục biến động phức tạp, đại dịch Covid-19 còn để lại hậu quả nặng nề đối với nền kinh tế nước ta. Đề nghị các đơn vị nâng cao trách nhiệm, thực hiện theo đúng các nội dung được phân công, đảm bảo đúng thời gian quy định và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách cho ý kiến trước khi gửi Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT: Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng và các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ TH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

PHỤ LỤC I

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH KTXH NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ
HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024 CỦA CẢ NƯỚC**
(Kèm theo văn bản số 5353/BKHĐT-TH ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch
và Đầu tư)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023	
I	Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023	Viện CLPT, Viện NCQLKTTW
II	Đánh giá tổng quát và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2023	
1	Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 theo 15 chỉ tiêu chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 68/2022/QH15	
-	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5%	Tổng cục Thống kê
-	GDP bình quân đầu người đạt 4.400 đô la Mỹ (USD)	Tổng cục Thống kê
-	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,4-25,8%	Tổng cục Thống kê
-	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%	Tổng cục Thống kê
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 5,0-6,0%	Tổng cục Thống kê
-	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội đạt 26,2%	Tổng cục Thống kê
-	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 92%	Vụ QLKKT
2	Đánh giá các kết quả đạt được theo 10 nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 68/2022/QH15 và các kết luận, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH năm 2023	TCTK, Viện CLPT, Viện NCQLKTTW, Vụ KTĐP< và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực
3	Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)	TCTK, Viện CLPT, Viện NCQLKTTW, Vụ KTĐP< và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực
a)	Nguyên nhân của kết quả đạt được (trong đó nêu chi tiết các nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với các	

	kết quả đạt được)	
b)	Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn (trong đó nêu chi tiết nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với từng hạn chế, khó khăn)	
4	Bài học kinh nghiệm	TCTK, Viện CLPT, Viện NCQLKTTW, Trung tâm TTDBKTXHQG, Vụ KTĐP< và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực
III Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể		
1	Về công tác xây dựng, thực thi pháp luật; cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	Vụ PC, Viện NCQLKTTW và các đơn vị thuộc Bộ
2	Về thực hiện mục tiêu ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế:	
-	Về lạm phát	Tổng cục Thống kê, Vụ TCTT
-	Về đầu tư phát triển toàn xã hội	Tổng cục Thống kê, Cục ĐTN (nội dung về FDI)
3	Về tăng trưởng kinh tế	
-	Về tăng trưởng GDP	Tổng cục Thống kê
-	Về phát triển khu vực dịch vụ (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...)	Vụ KTCNDV, Cục KTHT
4	Về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh:	
-	Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế, trong đó phân tích về tốc độ, quy mô tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, phản tích năng suất lao động xã hội,...	Tổng cục Thống kê, Viện NCQLKTTW
-	Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm	
+	Đầu tư công	Vụ THKTQD
+	Doanh nghiệp nhà nước	Cục PTDN
-	Về đổi mới sáng tạo (bao gồm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo), chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ	Trung tâm ĐMSTQG, Cục QLĐKKD, Cục PTDN
-	Về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cục QLĐKKD, Cục PTDN, Cục KTHT
5	Về công tác quy hoạch, phát triển vùng, liên kết vùng,	

	vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghiệp	
-	Về công tác quy hoạch	Vụ QLQH
-	Về phát triển vùng, liên kết vùng, phát triển vùng kinh tế trọng điểm	Vụ KTĐPLT, Viện CLPT
-	Về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp	Vụ QLKKT
	PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024	
I	Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 , bao gồm nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH năm 2022	Viện CLPT, Viện NCQLKTTW và các đơn vị thuộc Bộ
II	Mục tiêu tổng quát	Viện CLPT, Viện NCQLKTTW và các đơn vị thuộc Bộ
III	Mục tiêu chủ yếu	Theo phân công tại biểu số 1, Phụ lục II
IV	Một số cân đối lớn	Theo phân công tại biểu số 2, Phụ lục II
V	Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu	Các đơn vị thuộc Bộ

PHỤ LỤC II

BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 CỦA CẢ NƯỚC
(Kèm theo văn bản số 5353/BKHĐT-TH ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu số 1

BIỂU MẪU ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 CỦA CẢ NƯỚC

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023			DỰ KIẾN NĂM 2024	CƠ QUAN BÁO CÁO
			MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5%	%					Tổng cục Thống kê
2	GDP bình quân đầu người đạt 4.400 đô la Mỹ (USD)	USD					Tổng cục Thống kê
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,4-25,8%	%					Tổng cục Thống kê
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%						Tổng cục Thống kê
5	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 5,0-6,0%						Tổng cục Thống kê phối hợp Viện CIEM
6	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội đạt 26,2%						Tổng cục Thống kê
7	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%					Vụ QLKKT
...	<i>Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung (nếu có)</i>

Biểu số 2

CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023(%)	
	VỀ TÍCH LŨY - TIÊU DÙNG									Tổng cục Thống kê
1	GDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng								
2	Cơ cấu tích lũy, tiêu dùng									
	Tiêu dùng cuối cùng	%								
	Tích lũy tài sản	%								
3	So sánh với GDP									
	Tiêu dùng cuối cùng	%								
	Tích lũy tài sản	%								
	Tiết kiệm	%								

Biểu số 3

CƠ CẤU KINH TẾ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
I	THEO GIÁ HIỆN HÀNH									Tổng cục Thống kê
1	GDP theo nội tệ	Nghìn tỷ đồng								
2	GDP theo ngoại tệ	Tỷ USD								
3	GDP bình quân đầu người	USD								
4	Cơ cấu GDP									
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%								
	Công nghiệp và xây dựng	%								
	Dịch vụ	%								
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%								
5	Năng suất lao động xã hội	Triệu đồng/lao động								Tổng cục Thống kê phối hợp Viện CIEM
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng/lao động								
	Công nghiệp và	Triệu								

	xây dựng	đồng/lao động								
	Dịch vụ	Triệu đồng/lao động								
II	THEO GIÁ SO SÁNH									Tổng cục Thống kê
1	Tốc độ tăng GDP	%								
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%								
	Công nghiệp và xây dựng	%								
	Dịch vụ	%								
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%								
2	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%								
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%								
	Công nghiệp và xây dựng	%								
	Dịch vụ	%								
III	ĐÓNG GÓP CỦA NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP (TFP) VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	%								Tổng cục Thống kê

Biểu số 4

PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
	VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ									
1	Doanh nghiệp									Cục QLĐKKD
-	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế)	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (không tính các doanh nghiệp đã giải thể)	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp đăng ký mới	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp	Nghìn								

	hoàn tất thủ tục giải thể	doanh nghiệp								
-	Tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký tăng thêm của doanh nghiệp bổ sung vào nền kinh tế	Nghìn tỷ đồng								
+	Tổng số vốn của doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Nghìn tỷ đồng								
+	Tổng số vốn đăng ký tăng thêm của doanh nghiệp	Nghìn tỷ đồng								
2	Kinh tế tập thể									Cục KTHT
-	Tổng số hợp tác xã	Nghìn hợp tác xã								
	<i>Trong đó:</i>									
+	Thành lập mới	Nghìn hợp tác xã								
+	Giải thể	Nghìn hợp tác xã								
-	Tổng số thành viên trong hợp tác xã	Nghìn thành viên								
-	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã								
-	Tổng số hợp tác xã thành viên của Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã								
-	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác								
-	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn thành viên								

Biểu số 5

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (theo giá hiện hành)[illegible]

-	Vốn đầu tư thực hiện	Tỷ USD								
-	Vốn đăng ký	Tỷ USD								
	<i>Trong đó:</i>									
+	Cấp mới	Tỷ USD								
+	Tăng thêm	Tỷ USD								

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

Biểu số 6

CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

[illegible]

Biểu số 7

ẾU CỦA CÁC TỈNH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Vu Kinh tế địa phương và lãnh thổ báo cáo tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

[illegible]

[illegible]

STT	Bảng 1. Các chỉ số đánh giá mức độ phát triển kinh tế - xã hội và môi trường của các tỉnh, thành phố thuộc Việt Nam (theo năm 2023)																																		
	1. Cơ sở kinh tế				2. Thu nhập tính địa phương										3. Chi thu nhập tính địa phương										4. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều										
	1. Quy mô (GRDP bình quân đầu người)	2. Quy mô (GRDP bình quân đầu người)	3. Quy mô (GRDP bình quân đầu người)	4. Quy mô (GRDP bình quân đầu người)	5. Tổng thu nhập tính địa phương	6. Tổng thu nhập tính địa phương	7. Tổng thu nhập tính địa phương	8. Tổng thu nhập tính địa phương	9. Tổng thu nhập tính địa phương	10. Tổng thu nhập tính địa phương	11. Tổng thu nhập tính địa phương	12. Tổng thu nhập tính địa phương	13. Tổng thu nhập tính địa phương	14. Tổng thu nhập tính địa phương	15. Tổng thu nhập tính địa phương	16. Tổng thu nhập tính địa phương	17. Tổng thu nhập tính địa phương	18. Tổng thu nhập tính địa phương	19. Tổng thu nhập tính địa phương	20. Tổng thu nhập tính địa phương	21. Tổng thu nhập tính địa phương	22. Tổng thu nhập tính địa phương	23. Tổng thu nhập tính địa phương	24. Tổng thu nhập tính địa phương	25. Tổng thu nhập tính địa phương	26. Tổng thu nhập tính địa phương	27. Tổng thu nhập tính địa phương	28. Tổng thu nhập tính địa phương	29. Tổng thu nhập tính địa phương	30. Tổng thu nhập tính địa phương					
47	Bình Dương																																		
48	Bình Phước																																		
49	Tây Ninh																																		
50	Bà Rịa - Vũng Tàu																																		
ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG																																			
51	Lạng Sơn																																		
52	Tiền Giang																																		
53	Bến Tre																																		
54	Trà Vinh																																		
55	Miền Đông																																		
56	Cần Thơ																																		
57	Hà Giang																																		
58	Sóc Trăng																																		
59	An Giang																																		
60	Đồng Tháp																																		
61	Kiên Giang																																		
62	Bạc Liêu																																		
63	Cà Mau																																		